TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2024
V/v tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Phạm Văn Tư.

2. Ông Trần Văn Mỹ Phúc.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Giang – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Anh D, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số nhà A, đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị G trình bày:

Bà và ông Trần Anh D do mai mối rồi sống chung như vợ chồng có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới xong bà về sống tại nhà ông D ở Phường E, thành phố V, chính quyền địa phương có vận động ông, bà đi đăng ký kết hôn nhưng ông D không đi.

Từ khi bắt đầu chung sống cho đến nay bà và ông D không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cự cãi, ông D không chăm lo cho gia đình thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện thậm chí còn dùng vũ lực đối với bà. Khoảng 02 năm nay bà và ông D sống ly thân với nhau, bà dọn về nhà mẹ ruột sống. Bà đã cố gắng sống với ông D là vì con nhưng đến hôm nay đã quá sức chịu đựng của bà, tình cảm của bà dành cho ông D không còn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Trần Anh D.

Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung tên Trần Anh H, sinh ngày 02/6/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/6/2024, ông D trình bày:

Về hôn nhân: Mối quan hệ hôn nhân như bà G trình bày là đúng thời gian bắt đầu chung sống giữa ông và bà G vào khoảng năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc chứ không mâu thuẫn như G trình bày nhưng khoảng 02 năm nay G đi làm ăn xa, bỏ bê gia đình không chăm sóc chồng con nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi, không có hạnh phúc, nay Gấm yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Giữa ông và bà G có 01 con chung Trần Anh H, sinh ngày 02/6/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt vào ngày 19/6/2024, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Đây là vụ án tranh chấp về "Không công nhận vợ chồng" quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà G, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân là mối quan hệ không những xuất phát từ sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà còn phải được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà G trình bày bà và ông D quen biết qua mai mối, tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới xong bà và ông D về nhà ông D sống tại Phường E, chính quyền địa phương có vận động ông, bà đi đăng ký kết hôn nhưng ông D không đi, đồng thời vào năm 1998 ông D bà G đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đi đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của bà G và ông D là hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị G và ông Trần Anh D.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị G và ông Trần Anh D có 01 con chung Trần Anh H, sinh ngày 02/6/1999 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 09, 10, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G.

Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị G và ông Trần Anh D.

2. Về con chung: Bà Trần Thị G và ông Trần Anh D có 01 con chung Trần Anh H, sinh ngày 02/6/1999 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Buộc bà Trần Thị G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số N_0 0006816 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, bà G không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Diễm

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ VĨNH LONGĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 14/5/2024. Tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc D1.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Phạm Văn T

2. Bà Nguyễn Thị Lệ H1.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số: 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Nhanh E, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khu vực Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà H, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Nhanh E. Cho anh Nguyễn Nhanh E được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Buộc anh Nguyễn Nhanh E phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số N_0 0006544 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, anh Nhanh E không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến với tỷ lệ 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. .....

2. .....

Nguyễn Ngọc Diễm

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về việc Hoãn phiên tòa

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 17/4/2024. Tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc D1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn T

2. Bà Nguyễn Thị Lệ H1.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số: 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Nhanh E, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khu vực Bình Thạnh B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà H, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Xét thấy: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định Hoãn phiên tòa ngày 17/4/2024.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1. .....

2. .....